



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC
NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
Thông tin về Ngân hàng

**Giấy phép Thành lập
Ngân hàng số**

576/GP-UB

ngày 8 tháng 10 năm 1992

Giấy phép Thành lập Ngân hàng được Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động Ngân hàng số**

0025/NH-GP

ngày 22 tháng 8 năm 1992

Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn là 50 năm kể từ ngày cấp.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

0301378892

ngày 16 tháng 10 năm 1992

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 8 tháng 7 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Anh Tài
Bà Nguyễn Thanh Phương
Ông Ngô Quang Trung
Ông Nguyễn Hoài Nam
Ông Vương Công Đức

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Quang Trung
Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Ông Lê Văn Bé Mười
Ông Phạm Anh Tú
Ông Lý Công Nha

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

Ban kiểm soát

Bà Phan Thị Hồng Lan
Ông Võ Thanh Hải
Ông Lê Hoàng Nam

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Ngân hàng và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 89 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Anh Tú
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (“Ngân hàng”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 89.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.


Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó trong báo cáo kiểm toán ngày 23 tháng 4 năm 2018. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 cũng được một công ty kiểm toán khác soát xét và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó trong báo cáo soát xét ngày 22 tháng 8 năm 2017.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-01-434/1




Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồ Khánh Tân
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3458-2015-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2018

	Thuyết minh	30/06/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
A	TÀI SẢN		
I	Tiền mặt	5	439.595
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	418.845
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	5.909.512
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	5.706.512	4.890.407
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác	203.000	345.800
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	18	-
VI	Cho vay khách hàng	25.282.904	24.784.843
1	Cho vay khách hàng	25.552.785	25.031.901
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(269.881)	(247.058)
VIII	Chứng khoán đầu tư	10	6.083.102
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	4.927.399	4.881.774
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	1.347.820	1.369.810
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(192.117)	(94.855)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	31.495
3	Đầu tư vào công ty liên kết	31.495	31.572
X	Tài sản cố định	660.523	685.340
1	Tài sản cố định hữu hình	12	287.633
a	Nguyên giá	403.837	405.875
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(116.204)	(106.377)
3	Tài sản cố định vô hình	13	372.890
a	Nguyên giá	459.492	461.577
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(86.602)	(75.735)
XII	Tài sản Có khác	2.354.487	2.027.818
1	Các khoản phải thu	14	1.396.975
2	Các khoản lãi, phí phải thu	847.706	755.287
4	Tài sản Có khác	15	189.120
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(79.314)	(79.314)
TỔNG TÀI SẢN		41.180.463	39.900.916

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

	Thuyết minh	30/06/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
	NỢ PHẢI TRẢ		
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	16	8.757.669
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		7.280.112
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		1.477.557
III	Tiền gửi của khách hàng	17	28.398.799
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	18	19.144
VI	Phát hành giấy tờ có giá	19	10
VII	Các khoản nợ khác		624.258
1	Các khoản lãi, phí phải trả		573.534
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	20	50.724
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		37.799.880
	VỐN CHỦ SỞ HỮU		
VIII	Vốn chủ sở hữu	22	3.380.583
1	Vốn của tổ chức tín dụng		3.000.009
a	Vốn điều lệ		3.000.000
b	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định		1
c	Thặng dư vốn cổ phần		8
2	Quỹ của TCTD		159.042
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(11.321)
5	Lợi nhuận chưa phân phối		232.853
a	Lợi nhuận kỳ này		48.182
b	Lợi nhuận lũy kế kỳ trước		184.671
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.380.583
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		41.180.463

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

		30/06/2018	31/12/2017
		Triệu VND	Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
1	Bảo lãnh vay vốn	35	150.046
2	Cam kết giao dịch hối đoái	35	31.032.206
	▪ Cam kết mua ngoại tệ	35	608.899
	▪ Cam kết bán ngoại tệ	35	5.544.208
	▪ Cam kết giao dịch hoán đổi	35	24.879.099
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	35	216.269
5	Bảo lãnh khác	35	1.114.904

Ngày 28 tháng 8 năm 2018

Người lập



Bùi Thị Quanh
Phó phòng kế toán

Người kiểm soát



Lý Công Nha
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Phạm Anh Tú
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B03a/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
		30/06/2018 Triệu VND	30/06/2017 Triệu VND	
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	1.455.028	1.179.420
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	1.035.122	907.713
I	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự thuần		419.906	271.707
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	25	24.634	16.561
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	25	14.715	15.021
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	25	9.919	1.540
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	26	33.628	26.293
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	38.993	28.156
5	Thu nhập từ hoạt động khác	28	2.569	2.583
6	Chi phí hoạt động khác	28	267	154
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	28	2.302	2.429
VII	(Lỗ)/thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	29	(77)	577
VIII	Chi phí hoạt động	30	328.343	292.882
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		176.328	37.820
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	31	117.935	23.186
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế (mang sang trang sau)		58.393	14.634

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
 Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai
 Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ
 sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B03a/TCTD-HN
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/06/2018 Triệu VND	30/06/2017 Triệu VND
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế (mang từ trang trước sang)	58.393	14.634
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.211	1.601
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	10.211	1.601
XIII	Lợi nhuận sau thuế	48.182	13.033
	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/06/2018 VND/cổ phiếu	30/06/2017 VND/cổ phiếu
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	161	43

Ngày 28 tháng 8 năm 2018

Người lập



Bùi Thị Quanh
 Phó phòng kế toán

Người kiểm soát



Lý Công Nha
 Kế toán trưởng

Người phê duyệt




Phạm Anh Tú
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
 30/06/2018 30/06/2017
 Triệu VND Triệu VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	1.362.609	1.164.700
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(1.038.964)	(851.740)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	9.919	1.540
04	Chênh lệch số tiền thực thu và thực chi từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, chứng khoán	74.871	44.757
05	Thu nhập khác	962	2.522
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	810	-
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(325.425)	(294.214)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong kỳ	(649)	(8.269)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	84.133	59.296

Những thay đổi về tài sản hoạt động

09	Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	240.000	571.590
10	Tăng các khoản kinh doanh chứng khoán	(23.635)	(864.494)
11	Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7.796	(178)
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(520.884)	(938.520)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(100)	(562)
14	Tăng khác về tài sản hoạt động	(109.739)	(402.886)

Những thay đổi về công nợ hoạt động

15	Giảm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	(210.991)
16	(Giảm)/tăng các khoản tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	(150.015)	3.579.733
17	Tăng/(giảm) tiền gửi của khách hàng	1.376.275	(957.092)
20	Tăng/(giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	19.144	(16.838)
21	Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động	20.752	(5.003)
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	-	(306)

I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

943.727 813.749

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B04a/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/06/2018 30/06/2017
Triệu VND Triệu VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	Mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	(141.224) (6.238)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	9.952 -
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(131.272) (6.238)
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ	812.455 807.511
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU KỲ	5.863.818 2.462.836
VI	ĐIỀU CHỈNH ẢNH HƯỞNG CỦA THAY ĐỔI TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI	(11.321) (13.767)
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI KỲ (THUYẾT MINH 34)	6.664.952 3.256.580

Ngày 28 tháng 8 năm 2018

Người lập

Bùi Thị Quanh
Phó phòng kế toán

Người kiểm soát

Lý Công Nha
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Phạm Anh Tú
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này